

MỘT SỐ GIẢI PHÁP VĨ MÔ GÓP PHẦN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KINH TẾ NĂM 2005

PGS. TS. ĐẶNG VĂN THANH

Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế và Ngân sách của Quốc hội

Năm 2004 - năm thứ tư của kế hoạch 5 năm (2001-2005), theo đánh giá ban đầu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội của nước ta đã hoàn thành về cơ bản. Phần lớn các chỉ tiêu do Quốc hội đề ra đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức, có chỉ tiêu vượt mức khá cao. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước đạt khoảng 7,7%, trong đó khu vực nông - lâm - ngư nghiệp tăng 3,5%, đóng góp 0,7% vào tốc độ tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 10,2%, đóng góp 3,9%; khu vực dịch vụ tăng 7,5%, đóng góp 3%. Đây là mức tăng trưởng cao nhất trong 8 năm qua và cũng là sự tăng trưởng liên tục trong nhiều năm. Kim ngạch xuất khẩu đạt 26 tỉ USD, tăng 30% và là tốc độ tăng cao nhất từ năm 1997 đến nay. Năm 2004 cũng là năm đầu tiên kim ngạch xuất khẩu đạt được bình quân trên 2 tỉ USD/tháng. Đã có 6 mặt hàng (dệt may, thủy sản, giày dép, sản phẩm gỗ, dầu thô và hàng điện tử) đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỉ USD. Thu ngân sách nhà nước (NSNN) vượt xấp xỉ 12% dự toán cả năm, bằng 23,5% GDP và tăng 17,4% so với thực hiện năm 2003. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng ngành công nghiệp và xây dựng tiếp tục tăng từ 40% năm 2003 lên 41,1% năm 2004. Tỷ trọng của ngành nông - lâm - ngư nghiệp giảm từ 21,8% năm 2003

xuống còn 20,4% năm 2004. Cơ cấu nội bộ ngành, cơ cấu sản phẩm cũng đã có sự chuyển dịch đáng kể... Chính trị, quốc phòng được củng cố. An ninh và trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững. Nhiều lĩnh vực văn hoá, xã hội, xây dựng đời sống mới có chuyển biến tích cực. Đời sống nhân dân đã được cải thiện đáng kể. Những kết quả đạt được thể hiện tính đúng đắn của đường lối đổi mới; sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, quyết tâm cao của Đảng và Nhà nước; sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành; tinh thần vượt qua khó khăn, lao động sáng tạo của toàn dân, của doanh nghiệp và doanh nhân trong cả nước. Đó cũng là kết quả đầu tư của nhiều năm đã làm tăng đáng kể năng lực sản xuất toàn xã hội, của cả nền kinh tế và của từng ngành, từng lĩnh vực.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội trên một số mặt vẫn còn tồn tại nhiều yếu kém, nhất là về chất lượng tăng trưởng, sự biến động của thị trường, sự tăng giá trên diện rộng, tỉ lệ tăng dân số còn cao, những vấn đề bức xúc trong quản lý, điều hành nền kinh tế, tình trạng tiêu cực trong đời sống kinh tế - xã hội.

Để tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được của năm 2004, nhiệm vụ đặt ra cho năm 2005 - năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm (2001-2005) hết sức nặng

nê, vừa phải đạt mục tiêu và chỉ tiêu của kế hoạch năm 2005, vừa phải phấn đấu với mức cao nhất để đạt cho được nhiệm vụ kế hoạch 5 năm (2001-2005) với mức tăng trưởng cao, đảm bảo chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và sự ổn định bền vững của nền kinh tế.

Trong bối cảnh hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đứng trước những thuận lợi lớn do kết quả phát triển kinh tế - xã hội trong nước 4 năm qua đem lại. Mặt khác, trên bình diện thế giới, các cuộc cải cách kinh tế của nhiều nước sau thời kì khủng hoảng kinh tế đã đem lại kết quả tích cực cho phát triển kinh tế thế giới. Xu hướng liên kết kinh tế - xã hội khu vực và song phương có sự điều chỉnh đáng kể, đang diễn ra nhanh, có tác động đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, tình hình chính trị thế giới còn diễn biến phức tạp, khó lường, giá dầu mỏ thế giới đang ở mức cao và đang biến động thất thường có tác động mạnh đến giá cả hàng tiêu dùng và dịch vụ. Những thách thức của toàn cầu hóa kinh tế quốc tế đang đòi hỏi Việt Nam phải quan tâm giải quyết hàng loạt vấn đề từ tạo dựng khuôn khổ pháp lý đến nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

So với những năm trước, năm 2005, chỉ tiêu tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) 8,5% là khá tích cực, nhưng vẫn còn mang tính tuân tợ của nhịp độ tăng trưởng (năm 2001: 6,89%; năm 2002: 7,08%; năm 2003: 7,26%; năm 2004: 7,7%). Do vậy, muốn đạt và vượt chỉ tiêu này, cần áp dụng các nhóm giải pháp mạnh về thị trường vốn thông qua các chính sách tài khóa, tiền tệ, tăng đầu tư, mở rộng các kênh thu hút vốn đầu tư, đẩy mạnh hoạt động dịch vụ và khai thác lợi thế kinh tế khu vực và thế giới, tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, tăng xuất

khẩu. Áp dụng kiên quyết, mạnh mẽ các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống phô trương hình thức, hạn chế thất thoát, chống tham nhũng, lãng phí. Trong đó, cần triển khai một cách chủ động, có chủ định rõ rệt và thật linh hoạt các giải pháp kinh tế mang tính vĩ mô sau:

Một là, tập trung nuôi dưỡng, khai thác và huy động tối đa mọi nguồn lực trong nước và ngoài nước, trước hết và chủ yếu là trong nước bằng các hình thức phong phú, đa dạng, các phương thức linh hoạt, cụ thể, thiết thực. Đồng thời, phải sử dụng có chủ định, có hiệu quả với tầm nhìn trung hạn và dài hạn từng nguồn vốn cho đầu tư phát triển, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng cao, ổn định và bền vững.

Thực tế cho thấy, nguồn vốn đầu tư toàn xã hội tăng nhanh trong 4 năm qua, trong đó có năm 2004, là nhân tố mang tính quyết định nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Nhờ phát huy nội lực, nguồn vốn đầu tư trong nước tăng cả về số tuyệt đối và tỉ trọng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 251 nghìn tỉ đồng, chiếm 35,6% GDP. Vốn đầu tư trong nước chiếm 72% trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Mặt khác, để có thêm vốn đẩy nhanh việc xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi trọng điểm, kiên cố hoá trường học, Chính phủ đã phát hành trái phiếu Chính phủ. Đây là nguồn vốn khá quan trọng hỗ trợ cho nguồn vốn đầu tư từ NSNN. Nhờ đó, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã được tăng thêm và nâng cấp; các chương trình xoá đói, giảm nghèo, hỗ trợ các vùng có nhiều khó khăn đã được triển khai thực hiện rộng về diện và có hiệu quả hơn. Cơ sở vật chất và năng lực sản xuất của toàn bộ nền kinh tế, của các ngành, các vùng và địa phương tăng thêm đáng kể, góp phần phát triển kinh tế

và giải quyết nhiều vấn đề xã hội bức xúc.

Tuy nhiên nhìn chung, việc sử dụng vốn và các nguồn vốn vẫn thiếu tập trung, bị co kéo và dàn trải cho quá nhiều mục tiêu, nhiều dự án, công trình. Mặt khác, do thiếu vốn và nhiều lý do khác, không ít công trình, dự án triển khai chậm, kéo dài. Số lượng dự án, công trình; khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản dở dang lớn, gây lãng phí và kém hiệu quả, có công trình đầu tư không đúng ngay từ quy hoạch và chủ trương đầu tư. Tình trạng thất thoát, lãng phí vốn đầu tư xây dựng cơ bản diễn ra ở nhiều dự án và trong hầu hết các giai đoạn, các khâu của quá trình đầu tư. Việc thực hiện đầu tư và giải ngân các nguồn vốn tín dụng đầu tư nhà nước, nguồn vốn ODA, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, công trái giáo dục đều chậm, không đảm bảo tiến độ như đã phê duyệt và cam kết, tồn đọng vốn, làm giảm hiệu quả đầu tư. Tình trạng đầu tư trên đã ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng và hiệu quả tăng trưởng kinh tế. Mức chênh lệch giữa tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất và giá trị gia tăng còn lớn. Trong nông nghiệp, giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích chỉ đạt bình quân 19 triệu đồng/ha/năm. Trong lâm nghiệp, năng suất sinh khối rừng trồng sản xuất bình quân mới đạt 7- 8m³/ha/năm; chất lượng rừng thấp, đất trống còn nhiều. Trong công nghiệp, bên cạnh một số ngành công nghiệp tăng khá như điện, khai thác dầu, than đá, phân bón..., còn một số ngành, sản phẩm có mức tăng không tương ứng với nhu cầu của các ngành trong nước như thép, sản phẩm thép tăng 7,5%, động cơ diesel tăng 4,6%, máy bơm công nghiệp tăng 4,4%, thuốc trừ sâu tăng 4,2%, xi măng tăng 7%...

Do vậy, cần có sự đánh giá và xử lý hợp lý mối quan hệ giữa nguồn lực trong nước và ngoài nước. Khai thác và sử dụng tốt hơn các nguồn lực trong nước, nhất là nguồn lực trong dân, nguồn lực từ đất đai, tài sản công. Đa dạng các phương thức để mở rộng phạm vi xã hội hóa cả trong kinh tế và xã hội. Áp dụng các cơ chế phù hợp, bình đẳng cho kinh tế dân doanh về mặt bằng kinh doanh, tiếp cận với các nguồn tín dụng, tiếp nhận những chính sách khuyến khích của Nhà nước, tham gia thị trường. Xóa bỏ sự phân biệt đối xử và bảo đảm quyền bình đẳng thực sự giữa các chủ thể kinh tế. Tiếp tục cải thiện môi trường thu hút đầu tư nước ngoài, kể cả đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp. Xây dựng và ban hành Luật khuyến khích và bảo hộ đầu tư áp dụng chung cho các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Bảo đảm quyền kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được mở rộng phù hợp với các cam kết mở cửa thị trường trong đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Tạo lập và phát triển mạnh thị trường vốn trung hạn và dài hạn, đặc biệt là thị trường chứng khoán, hoạt động thuê mua tài chính; cơ cấu lại hệ thống ngân hàng, cơ cấu nguồn vốn; cơ cấu lại nợ của nền kinh tế, nợ của ngân hàng... nhằm tăng khả năng huy động và cung ứng vốn dài hạn, trung hạn cho nền kinh tế. Chủ động điều hành chính sách tài chính tiền tệ, tỉ giá và lãi suất, sử dụng có hiệu quả các công cụ nợ để huy động và điều hòa các nguồn vốn. Có cơ chế bảo đảm, tạo niềm tin cho nhân dân, cho các nhà đầu tư đối với pháp luật, sự ổn định chính sách để họ yên tâm đầu tư vào sản xuất - kinh doanh.

Tạo môi trường thuận lợi để ngày càng nhiều tổ chức, cá nhân cùng Nhà nước đầu tư phát triển một số ngành, lĩnh vực. Có chính sách ưu đãi, cơ chế thông thoáng và ổn định trong các lĩnh vực y tế, đào tạo đại học, cao đẳng, dạy nghề, văn hoá, giải trí, giáo dục mầm non, thể dục thể thao..., trước hết tại các đô thị và các thành phố lớn. Thực hiện chuyển một phần vốn NSNN đang đầu tư ở đô thị, thành phố sang đầu tư cho địa bàn nông thôn, miền núi, biên giới có nhiều khó khăn, khó có điều kiện xã hội hoá.

Hai là, chủ động triển khai các giải pháp ổn định thị trường, kiểm soát và kiểm chế sự tăng giá; có sự đánh giá và chủ động vận hành nền kinh tế trong điều kiện mất bằng giá mới.

Năm 2004, ngay trong 4 tháng đầu năm chỉ số giá hàng tiêu dùng và dịch vụ đã tăng 5,4%, vượt mức cả năm (Nghị quyết của Quốc hội tăng không quá 5%) và đến cuối năm chỉ số này đã tăng lên 9,5%. Đó là mức tăng cao nhất trong nhiều năm trở lại đây. Khác với các năm trước, giá cả thường tăng trong 2 đến 3 tháng đầu năm, sau đó giảm và giữ ổn định, năm 2004, giá tăng liên tục qua các tháng và tăng ở hầu hết các mặt hàng. Giá lương thực và thực phẩm tăng cao; giá nguyên liệu, vật liệu công nghiệp, vật tư nông nghiệp, dịch vụ cũng tăng ở mức cao. Giá tăng ở diện rộng, thiết lập mặt bằng giá mới cao hơn, chưa có dấu hiệu giảm. Giá tăng cao đã ảnh hưởng đến đời sống của những người làm công ăn lương, tầng lớp lao động nghèo thành thị và nông dân, đối tượng hưởng chính sách xã hội. Đối với sản xuất công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, giá nguyên liệu đầu vào tăng đã tác động trực tiếp làm giảm sức cạnh tranh, làm chậm tiến độ đầu tư xây dựng cơ bản, tiêu tốn thêm vốn đầu

tư. Thời gian qua, mặc dù đã có nhiều biện pháp được triển khai, góp phần kiềm chế tăng giá như kiểm soát giá độc quyền, giám sát các kênh phân phối một số hàng hoá, chính sách thắt chặt tiền tệ, neo tỉ giá, giảm thuế nhập khẩu, bù giá dầu, áp dụng giá trần cho một số mặt hàng chiến lược, điều chỉnh giá xăng, dầu, các quy định xử lý vi phạm pháp luật về giá... tuy nhiên, nhìn chung chưa kịp thời và kết quả còn hạn chế. Do vậy, cần có sự nhìn nhận và đánh giá đúng mức độ lạm phát, loại lạm phát và nguyên nhân của tình hình để chấp nhận và có giải pháp kịp thời, thích hợp cho năm 2005, giữ mức tăng giá dưới 6,5%. Các giải pháp bình ổn thị trường giá cả, kiểm chế tăng giá phải đi cùng với việc phải chủ động xử lý các vấn đề kinh tế - tài chính, xử lý các mối quan hệ trên mặt bằng giá mới. Cần áp dụng đồng bộ các biện pháp, tập trung có trọng điểm cho sản xuất, cho tăng trưởng kinh tế để điều chỉnh quan hệ cung-cầu, áp dụng linh hoạt chính sách thuế, phí, chi tiêu công quỹ, trong đó có NSNN, chính sách tiền tệ, tín dụng, vấn đề lãi suất tiền gửi, tiền cho vay, tỉ giá, dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi VNĐ và ngoại tệ. Thực hiện việc cơ cấu, cơ cấu lại các nguồn vốn của nền kinh tế, của ngân hàng; cơ cấu lại nợ, giảm nợ xấu và sử dụng có hiệu quả các công cụ nợ. Soát xét lại và duy trì mối quan hệ hợp lý giữa tăng vốn huy động và tăng dư nợ cho vay tín dụng. Để đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) 8,5% hoặc cao hơn, chúng ta không thể thắt chặt tín dụng, không thể áp dụng chính sách tài khóa thắt chặt mà cần tiếp tục duy trì tăng chi tiêu của Chính phủ, tăng trưởng tín dụng ở mức hợp lý, đồng thời nâng cao hiệu quả đầu tư, xử lý linh hoạt

(Xem tiếp trang 57).

NHÌN RA NƯỚC NGOÀI

ngiht việnt. Việct bở nhiệmt, miễnt nhiệmt thứ trườg và cáct cố vấnt nghi việnt đầut theo đề nghị của bộ trườg. Mỗit bộ đầut có cơ cấut phức tậpt, gồmt cơ cấut tổ chứct của bản thầnt bộ và cáct đơnt vị trựct thuộct. Cáct đơnt vị thuộct cơ cấut tổ chứct của bản thầnt bộ gồmt Ban Thư kí bộ trườg, cáct vụ chuyệnt mỗnt giúpt việct. Cáct đơnt vị trựct thuộct là cáct ban, uỷ ban đượct thầnt lập theo *Luậct Tổ chứct hành chớnt nhầnt nước*, khắct với bộ, cơ quầnt ngang bộ ở chổ cáct ban, uỷ ban khốnt trựct tiếpt trựct thuộct Nội cáct, khốnt đượct trựct tiếpt báo cáot

Nội cáct hay đứat ra cáct đứat thầut luậct như cáct bộ, cơ quầnt ngang bộ.

Nhìn chungh, sau quá trìnht cải cáct, bộ máyt hành chớnt nhầnt nước trungh ương Nhậct Bản đầut giẩnt bớct đầut mỗit cáct bộ, hoặct độngh hiệut quả, đắpt ứng cáct yếuct cầu ngày cầnt cao của mỗit xã hợit hiệnt đạit□

Tư liệut:

- Tậpt chí Nghiềnt cứu Viễnt đòngh số 5 - 2003 (tiếng Ngầnt).

- Tậpt chí Á Phi ngày nay số 8 - 2002 (tiếng Ngầnt).

* * * * *

MỘT SỐ GIẢI PHÁP VĨ MÔ...

(Tiếp theo trang 25)

cáct công cụ của chớnt sách tiềnt tề, đắmt bảo cân đốit tồnt thể quầnt hệ tiềnt hàng bằnt sự kiểmt soáct khốit lượng tiềnt lứut thồnt phù hợpt tốc đỘt tăng khốit lượng hàng hoá, dặct vụ tiềnt thụ. Có giẩnt pháp mặnt giẩnt nợ xấut của nển kinh tề. Việct sử dụngh vốnt tiềnt gửi ngắnt hạn cho vay trungh và dài hạn cầnt đắmt bảo trungh giớit hạn, tăng cườntg sử dụngh linh hoặct cáct công cụ nợ có tính thầnt khoảnt cao.

Tổ chứct tốt hơn thị trườg và lứut thồnt cáct mặnt hàng trờntg yếuct, hìnht thầnt cáct kênht phân phốit hợpt lý, kiểmt soáct cho đượct tình trậnt đợct quyềnt, ngắnt ngừa và xử lý nghiềnt tình trậnt lũntg đơnt giá khốnt để xấut ra tình trậnt tăng giá thếp, giá thuộct như đầut năm 2004. Kiểmt soáct giá cả mỗit số mặnt hàng thiếct yếuct đốit với sảnt xuấct, đờit sống nhầnt đầnt như lượntg thực, thuộct chừat bệntg, xắntg dầut, sắntg thếp, xi mắntg... và vấnt đề hếct sứct quầnt trờntg là phầit áp đứntg kiềnt quyềnt cáct biệnt pháp thực hành tiềnt kiệmt, chớntg lắntg phí trungh sảnt xuấct và tiềnt đùngh. Lắntg

năm 2005 là năm thực hành tiềnt kiệmt, chớntg lắntg phí công quỹ nhầnt nước (khốnt chỉ NSNN), lắntg phí thắct thoáct trungh đầut tư xấut đứntg cơ bản. Kiểmt soáct chắct chẽ việct cùngh ứng tiềnt cho nển kinh tề và thực hiệnt bằntg đượct cáct chủ trườntg tiềnt kiệmt 10% chỉ tiềnt thườntg xuyềnt, tiềnt kiệmt mầut sắntg, chỉ tiềnt tài sảnt công trungh lể khớit công, khắntg thầntg, tồntg kắct, kỉ niệmt...; thực hiệnt kiềnt quyềnt cáct biệnt pháp kinh tề, biệnt pháp hành chớntg-kinh tề vầnt nhữntg thờit điểmt và phầnt vi thắct hợpt đốit với nhữntg hàng hoá, dặct vụ thiếct yếuct phựct vụ sảnt xuấct và đờit sống v.v.

Nhiệmt vụ phắct triển kinh tề - xã hợit năm 2005 rấnt nặntg nề, chỉ có phầnt đầut quyềnt liệct, chủ độngh triển khắntg đờntg bộ cáct giẩnt pháp, phắct huy nắntg lứct cao nhắct của tồntg ngườit, tồntg đơnt vị, tồntg ngầntg, tồntg đầut phườntg... mỗit có thể đắpt đượct nhiệmt vụ, mựct tiềnt đầut để ra, đứat kinh tề Việct Nhầnt tiếpt tục phắct triển, ổn địnht và bển vữntg□